

VỀ MỐI LIÊN HỆ GIỮA TÍN NGƯỠNG VÀ LỄ HỘI TRONG XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI

Tóm tắt: Lễ hội cổ truyền là một thực hành nghi lễ tiêu biểu nằm trong hệ thống các tín ngưỡng của người Việt (Kinh) nói riêng và các tộc người ở Việt Nam nói chung. Từ sau Đổi mới (1986), cùng với sự phục hồi văn hóa cổ, các di tích tín ngưỡng được trùng tu, tôn tạo, hoặc xây dựng lại ở khắp các địa phương trong cả nước, cùng với nó là sự phục hồi các nghi thức và lễ hội cổ truyền liên quan. Với ý nghĩa đó trong bài viết này chúng tôi tập trung phân tích nhằm làm rõ mối liên hệ giữa tín ngưỡng và lễ hội để từ đó làm cơ sở đặt ra những vấn đề cơ bản của việc nghiên cứu lễ hội cổ truyền trong cuộc sống đương đại.

Từ khóa: Mối liên hệ; tín ngưỡng; lễ hội; đương đại; Việt Nam.

1. Khái niệm và các xu hướng nghiên cứu

1.1. Giới thuyết một số khái niệm

Khái niệm lễ hội: Lâu nay khái niệm lễ hội thường được dùng để chỉ các lễ hội cổ truyền phổ biến ở các làng quê của người Việt. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích các lễ hội của người Việt ở Đồng bằng Bắc Bộ, kết hợp so sánh với lễ hội của một số tộc người thiểu số. Ví dụ, lễ hội đình làng gắn với tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở các ngôi làng; lễ hội thờ các vị thánh tại các phủ, đền, miếu thuộc tín ngưỡng thờ Mẫu (như lễ hội Phủ Dày, lễ hội đền thờ Ông Hoàng Mười, lễ hội đền Tân La, lễ hội của các ngôi đền thờ Đức Thánh Trần và các bộ tướng của Đức Thánh

* Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 16/12/2019; Ngày biên tập: 20/01/2020; Duyệt đăng: 11/02/2020.

Trần,...); lễ hội tạ tổ nghề thủ công truyền thống của các làng người Việt; lễ hội cầu mùa của người Tày, người Sán Chay; lễ hội tạ tổ nghề cúng bái Then, Mộng, Mối,... của các tộc người Tày, Thái, Mường;... Vì vậy, để tiện cho việc trình bày, chúng tôi giới thuyết: *lễ hội cổ truyền (gọi tắt là lễ hội) là một thực hành nghi lễ tiêu biểu gắn với các hình thức tôn giáo tín ngưỡng của các tộc người ở Việt Nam nói chung.*

Khái niệm tín ngưỡng: Cho đến nay khái niệm tín ngưỡng còn có nhiều cách hiểu khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi giới thuyết một cách đơn giản: *tín ngưỡng là niềm tin vào sự bảo trợ của các đối tượng thờ phụng đi kèm với các thực hành nghi lễ liên quan của các tộc người ở Việt Nam.* Tín ngưỡng theo đó sẽ bao gồm niềm tin, đối tượng thờ phụng, cơ sở thờ phụng (ban thờ, đình, đền, chùa, miếu mạo,...) và các thực hành nghi lễ liên quan,... Cụ thể, có thể gọi tên là tín ngưỡng nông nghiệp, tín ngưỡng thờ Thành hoàng, tín ngưỡng thờ Tổ, tín ngưỡng Tứ phủ, v.v...

1.2. Một số xu hướng tiếp cận nghiên cứu lễ hội

Có hai xu hướng nổi bật trong nghiên cứu lễ hội từ sau Đổi mới gắn với giai đoạn phục hồi mạnh mẽ các di tích và lễ hội trong cả nước như sau:

Nghiên cứu lễ hội với tư cách là một thành tố văn hóa dân gian: Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này là Viện Văn hóa dân gian (thành lập năm 1983, nay là Viện Nghiên cứu Văn hóa). Với tư cách là cơ quan nghiên cứu chuyên ngành về văn hóa dân gian, lễ hội được coi là một hiện tượng văn hóa dân gian tổng thể được tiến hành nghiên cứu trong nhiều bài viết, các cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học và các xuất bản phẩm. Có thể coi cuốn *Lễ hội cổ truyền* và cuốn kỷ yếu hội thảo quốc tế *Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại* do viện Văn hóa dân gian tổ chức dưới sự chủ trì của Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia (1993) là hai công trình nghiên cứu tiêu biểu của Viện Văn hóa dân gian về lễ hội trong thời kỳ đầu¹.

Theo hướng tiếp cận này, tại một số cơ sở đào tạo chuyên ngành văn hóa học, lễ hội là một môn học riêng, độc lập với các môn học về tôn giáo, tín ngưỡng. Cùng với đó, một số luận án tiến sĩ và nhiều luận văn cao học về lễ hội gắn với các di tích thờ phụng (đình, đền, miếu, chùa,...) được hoàn thành.

Xu hướng nghiên cứu lễ hội trong cái nhìn đa chiều về góc nhìn của các tác giả trong và ngoài nước: Đây là các công trình nghiên cứu được thực hiện chủ yếu trong giai đoạn từ đầu thế kỷ XXI đến nay, nét nổi bật là quan tâm nhiều hơn đến bối cảnh xã hội đương đại, tập trung vào nhiều khía cạnh khác nhau của lễ hội như âm thực, tính nhân sinh, sự tác động của kinh tế thị trường, cấu trúc và thành tố của lễ hội, về quản lý, về di sản văn hóa, v.v... Theo đó, những nghiên cứu này không chỉ nhìn nhận lễ hội như một thành tố quan trọng của văn hóa dân gian mà còn chỉ ra cấu trúc, đặc điểm của lễ hội hay vai trò, giá trị của lễ hội trong đời sống xã hội cùng các vấn đề đương đại. Với sự đa dạng các góc nhìn, cách tiếp cận, các công trình này được đánh giá là đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc nghiên cứu chuyên sâu về lễ hội, đưa ra được những vấn đề lý luận và thực tiễn cũng như bối cảnh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội cần thiết cho nghiên cứu lễ hội².

Có thể coi đó là hai xu hướng chính phản ánh lịch sử nghiên cứu lễ hội ở Việt Nam trong thời gian qua. Điều đó cũng cho thấy sự chuyển đổi tất yếu trong các hướng tiếp cận cũng như phương pháp nghiên cứu lễ hội, đáp ứng yêu cầu cả về mặt khoa học và thực tiễn đối với nghiên cứu lễ hội.

Nhìn chung, thời gian qua việc nghiên cứu lễ hội trong sự tương quan với tôn giáo tín ngưỡng vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Tuy vậy, trong các nghiên cứu, các tác giả có nhấn mạnh đến vai trò của tín ngưỡng trong lễ hội với ý nghĩa “phi lễ bất thành hội” nhưng thực tế lại chưa đi sâu phân tích làm rõ mối liên hệ giữa tín ngưỡng và lễ hội. Chẳng hạn, xuất phát từ quan điểm “Tín ngưỡng - môi trường sản sinh, tích hợp và bảo tồn nhiều sinh hoạt văn hóa dân gian”, tác giả Ngô Đức Thịnh cho rằng “Lễ hội,

một sinh hoạt văn hóa cộng đồng tiêu biểu của làng (buôn, plây, bản) của hầu hết các dân tộc ở nước ta cũng đều hình thành và định hình trên cơ sở một nghi lễ tín ngưỡng tôn giáo: Hội chùa (thờ Phật), Hội đền (thờ thần), Hội đình (thờ Thành hoàng)...”³. Tuy nhiên, ngay trong cuốn sách *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền* có in bài viết này của ông thì tín ngưỡng và lễ hội cũng vẫn được trình bày thành hai nội dung riêng.

Từ thực tế trên, trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích lễ hội trong mối liên hệ với tín ngưỡng và đặt nó trong bối cảnh nghiên cứu lễ hội trong cuộc sống đương đại.

2. Mối liên hệ giữa tín ngưỡng và lễ hội

Theo chúng tôi, một lễ hội được cấu thành bởi 5 yếu tố chính sau đây:

1) Không gian văn hóa của lễ hội

Khái niệm “không gian văn hóa lễ hội” được hiểu là không gian thiêng nơi diễn ra những nghi lễ chính của lễ hội dân gian. Đó có thể là các cơ sở thờ tự phổ biến ở các làng quê người Việt, như: đình, đền, miếu, phủ, am,... thờ các vị thần trong mỗi ngôi làng. Với các tộc người thiểu số Tày, Nùng, Thái, Dao,... thì đó có thể là các ngôi miếu thờ thần làng, hoặc các ngôi miếu thờ các vị nhân thần của địa phương. Ví dụ, ở người Tày, Nùng có các ngôi miếu thờ Thổ công là những dòng họ có công khai làng lập bản; ở người Thái trắng Tây Bắc có các ngôi miếu thờ Nàng Han là một nữ anh hùng chống giặc ngoại xâm,... Đó cũng có thể là ngôi nhà sàn nơi đặt ban thờ tổ nghề của các vị thầy cúng Then, Pút, Mo (ở người Tày, Nùng), Mo, Mốt (ở người Thái) hoặc Mo, Mỡi, Trượng (ở người Mường),.... Ở một số tộc người tại Tây Nguyên thì đó là các ngôi nhà chung nơi thường diễn ra các nghi lễ cộng đồng như nhà rông, nhà dài, nhà gươl,...

Liên quan đến không gian thiêng là điện thần/ban thờ, gồm: ngai, tượng, tranh thờ, bát hương, các vật biểu trưng, v.v...

2) Đối tượng thờ phụng và tín ngưỡng liên quan

Tùy theo từng địa phương, từng tộc người mà với mỗi cơ sở thờ tự thường gắn với một đối tượng thờ phụng khác nhau phản ánh đời sống tín ngưỡng của họ. Để tiện cho việc trình bày, dưới đây chúng tôi tạm đưa ra một phân loại lễ hội trong mối liên hệ với các tín ngưỡng liên quan.

Tín ngưỡng và lễ hội nông nghiệp

Đây là tín ngưỡng cổ xưa của người Việt gắn với việc thờ các vị thần trong tự nhiên nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp. Trải thời gian, tín ngưỡng nông nghiệp có thể được phủ lên những lớp tôn giáo tín ngưỡng mới (chẳng hạn như Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo) nhưng từ tầng sâu văn hóa của nó vẫn có thể nhận ra được lớp tín ngưỡng nông nghiệp cổ sơ như là cốt lõi của lễ hội. Thuộc lớp tín ngưỡng này có thể kể đến lễ hội đền Gióng, lễ hội ở các ngôi đền thờ các vị Tứ pháp gắn với việc cầu mưa, cầu nước; lễ hội đền thờ Tản Viên gắn với việc trấn thủy chống lũ lụt; lễ hội đền Chử Đồng Tử gắn với nghề đánh bắt cá vùng sông nước, v.v...

Tín ngưỡng và lễ hội thờ thành hoàng

Đây là một tín ngưỡng phổ biến ở các làng quê người Việt, chủ yếu thờ người có công với tư cách là vị phúc thần bảo trợ cuộc sống bình yên cho dân làng. Họ có thể là một vị nhân thần của địa phương nhưng cũng có thể là một vị thần phổ biến được nhiều địa phương tôn làm thành hoàng. Chẳng hạn, các vị anh hùng dân tộc, như: Hùng Đạo Đại Vương cùng các bộ tướng của ông; các vị thần có nguồn gốc tự nhiên, như: Sơn thần (Cao Sơn đại vương), Thủy thần (Linh Lang đại vương),...

Tín ngưỡng và lễ hội thờ Tổ

Đây là một tín ngưỡng phổ biến, phản ánh tâm thức “uống nước nhớ nguồn” của người Việt Nam nói chung. Ở loại hình này lại có thể (tạm) phân thành các dạng thức thờ Tổ như sau:

(1) Thờ tổ nước/quốc gia và tổ các triều đại: Có thể xếp chung việc thờ phụng các triều đại vua từ trong truyền thuyết đến lịch sử

vào hình thức tín ngưỡng này, bao gồm từ Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, các Vua Hùng, Hai Bà Trưng đến các vị vua trải các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Mạc, Lê, Nguyễn... Ngày nay, việc thờ phụng Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách là người khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng có thể xếp vào hình thức này. Lễ hội cũng như việc thờ phụng đối tượng này thường gắn với tinh thần tự hào dân tộc và tâm thức “Uống nước nhớ nguồn”. Trong đó, lễ hội Đền Hùng với tính chất là thờ tổ nước đã được nâng lên thành quốc lễ.

(2) Thờ tổ nghề sản xuất: Ở mỗi làng quê người Việt, bên cạnh nghề nông người dân còn làm thêm các nghề phụ khác nhau, như: nghề rèn đúc đồng, nghề chạm bạc, nghề mộc, nghề thêu,... Tương ứng với mỗi nghề thường có các vị tổ nghề được nhân dân tôn thờ với tư cách là vị thần bảo hộ cho nghề nghiệp của họ. Với những làng có nghề truyền thống phát triển thì vị tổ nghề có thể là thành hoàng làng, hoặc phối thờ với thành hoàng làng. Chẳng hạn, làng Châu Khê, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tôn thờ ông Lưu Xuân Tín là một vị quan thời Hậu Lê làm tổ nghề nghề thủ công vàng bạc của làng. Ông được phối thờ trong đình làng cùng với thành hoàng làng. Lễ hội làng Châu Khê được gọi là ngày giỗ tổ nghề vàng bạc⁴.

(3) Thờ tổ nghề cúng bái: Ở các tộc người thiểu số, như: Tày, Nùng, Thái, Mường,... phổ biến hình thức thờ tổ sư trong các gia đình có truyền thống làm nghề cúng bái. Đối tượng thờ phụng chính là tổ tiên các đời trong gia đình làm nghề, sư phụ đã khuất của người làm nghề và các vị tướng nghề gắn với các yếu tố tôn giáo du nhập ở từng tộc người. Tùy theo từng địa phương hay tộc người mà lễ hội có thể tổ chức thường niên hoặc 3 năm, nhiều năm một lần tại các gia đình thầy cúng. Ở người Thái Trắng gọi là “Kin pang then”, người Thái Đen gọi là “Kin pang lầu nó” hoặc “Kin pang Một”, người Tày Yên Bái gọi là “Tồn Phi Then” hay “Bươn Chiêng”, người Tày Hà Giang gọi là “Kin then biooc mạ”, người Tày ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn gọi là “Lầu Then”; ở người Mường gọi là “Lễ Mỡi”, v.v...

(4) Lễ hội gắn với tín ngưỡng Tứ phủ: Lấy biểu tượng thờ các bà mẹ vũ trụ (trời, đất, nước, rừng núi) như là không gian cư ngụ của các vị thần, tín ngưỡng Tứ phủ là sự thờ phụng các vị thần linh thiêng trong bốn cõi (Tứ phủ), gồm: Thiên (trời), Thoải (nước), Địa (đất), Nhạc (rừng núi) nhằm hướng tới nhu cầu phúc lộc thọ gắn với các nghi lễ trong chu kỳ của vòng đời người. Với tính khái quát cao, tín ngưỡng Tứ phủ đã thâm nhập được khá đông các vị thần, bao gồm các vị thần trong điện thần Đạo giáo, các vị thần tự nhiên và các nhân thần là anh hùng, liệt nữ ở các địa phương (phổ biến ở miền Bắc) vào điện thần theo trật tự gia đình, gồm: Các vị vua cha (Ngọc Hoàng- Bát Hải Động Đình - Long Vương), các mẫu (Thiên - Địa - Thoải - Thượng ngàn), các quan, ông Hoàng, Cô, Cậu. Ở một số địa phương, lễ hội tưởng nhớ các vị thánh của tín ngưỡng Tứ phủ đã trở thành lễ hội lớn có quy mô của cả một vùng, chẳng hạn như lễ hội Phủ Dày ở Nam Định, lễ hội đền Kiếp Bạc ở Hải Dương, lễ hội đền Sòng ở Thanh Hóa, lễ hội đền thờ Ông Hoàng Mười ở Nghệ An, Hà Tĩnh, v.v...

3) Thời gian lễ hội

Thời gian tổ chức lễ hội trong truyền thống thường diễn ra vào mùa xuân và mùa thu, dân gian gọi là “xuân thu nhị kỳ”, ngày nay giảm bớt thường tổ chức vào đầu năm. Ở các tộc người thiểu số thì thường diễn ra vào dịp đầu năm. Điều này có lẽ liên quan đến nhịp độ lao động sản xuất gắn với dịp nông nhàn trước mùa gieo trồng (mùa xuân) hoặc sau dịp thu hoạch (mùa thu) trong truyền thống của người Việt Nam.

4) Chủ thể lễ hội

Bất cứ lễ hội thuộc hình thức tín ngưỡng nào hoặc tộc người nào thì người dân vẫn giữ vai trò là chủ thể quan trọng. Với lễ hội của người Việt, dù được tổ chức trước hoặc sau năm 1945 thì chủ thể chính vẫn là đông đảo người dân dưới sự điều hành của một ban tổ chức và có sự chỉ đạo của các vị chức sắc thuộc làng xã hoặc huyện, tỉnh tùy theo quy mô từng lễ hội. Người dân tham gia với

nhiều vai trò: tế lễ, rước sách, trình diễn nghệ thuật, trò diễn, trò chơi, bảo vệ an ninh trật tự, v.v... Đối với các tộc người thiểu số, các lễ hội có thể do các ông (bà) thầy cúng chủ trì nhưng người dân vẫn là đối tượng chính tham gia vào các hoạt động của lễ hội, từ sửa soạn lễ vật, trang trí không gian lễ hội đến các hoạt động ca múa nhạc và trò diễn, trò chơi,...

5) Nghệ thuật trình diễn

Với bất kỳ một lễ hội cổ truyền nào, dù là của người Việt hay là của các tộc người thiểu số cũng đều tuân theo một quy trình chung với sự tham gia của các loại hình nghệ thuật tạo nên một dạng thức riêng trong nghệ thuật trình diễn của lễ hội. Với lễ hội của người Việt thì đó là một quy trình khép kín gồm các hoạt động chủ yếu như: rước kiệu, tế lễ, trò diễn, trò chơi, giao lưu văn nghệ, v.v... Với các nghi lễ cộng đồng của người tại chỗ Tây Nguyên thì đan xen giữa các nghi thức tế lễ là những màn trình diễn âm nhạc công chiêng và vũ điệu liên quan⁵. Đối với các lễ hội mang tính chất tạ tổ nghề của các tộc người thiểu số thì đó là màn trình diễn tâm linh với sự tham gia của các loại hình nghệ thuật như ca, múa, nhạc, trò diễn nhập đồng các vị tổ tiên, tướng nghề, v.v...

Trong 5 yếu tố cấu thành nên lễ hội kể trên thì nhân vật thờ phụng chính là đối tượng trung tâm của lễ hội, quy định nội dung và hình thức lễ hội. Theo đó, cùng có những đặc điểm chung là hội làng của người Kinh nhưng tùy thuộc vào đặc điểm của mỗi vị thần mà sẽ có những điểm khác về nội dung và hình thức tổ chức lễ hội, phản ánh tín ngưỡng khác nhau của người dân. Ví dụ, lễ hội thờ Thành hoàng làng thường có nghi thức tế lễ trang trọng theo phương thức “hương đăng tiểu triều đình” nhằm tôn vinh các vị phúc thần bảo trợ cho làng; lễ hội thờ Tổ thường gắn với những đặc điểm của vị Tổ (tổ nước, tổ triều đại, tổ nghề, tổ cúng bái,...) mà có những nét đặc trưng riêng liên quan; lễ hội của các vị thánh trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ thường có rước kiệu lên chùa (đối với lễ hội thờ Mẫu Liễu Hạnh) và không thể thiếu nghi lễ hầu đồng,... Cũng như vậy, gắn với mỗi tín ngưỡng lại có những quy định riêng

tương ứng với mỗi vị thần về bài trí điện thần, lễ vật dâng cúng, nghi lễ liên quan,... Theo đó, việc nắm rõ nguồn gốc tín ngưỡng của mỗi lễ hội sẽ góp phần lý giải những hiện tượng văn hóa liên quan, chẳng hạn như những tục hèm, kiêng kị, các biểu tượng thờ cúng, các vật biểu trưng, thậm chí cả các hoạt động trò diễn, trò chơi... qua đó phản ánh quan niệm về nhân sinh quan, vũ trụ quan của người xưa.

Như vậy, có thể coi tín ngưỡng là yếu tố cốt lõi chi phối các vấn đề liên quan đến lễ hội, từ cách thức tổ chức, nghi thức, nghi lễ, sự tham gia của các yếu tố nghệ thuật (trang trí, mỹ thuật, ca múa nhạc,...) đến vật phẩm, trò diễn, trò chơi,... Nghiên cứu lễ hội trong mối liên hệ với tín ngưỡng vì vậy sẽ góp phần hiểu biết sâu sắc thêm về lễ hội, từ đó có sự định hướng phù hợp trong bảo tồn, phát huy lễ hội trong đời sống xã hội đương đại.

3. Tín ngưỡng và lễ hội trong bối cảnh xã hội đương đại

Từ sau năm 1945 đến nay, cùng với sự tác động của nhiều yếu tố thuộc về lịch sử, chính trị, kinh tế và văn hóa, xã hội mà lễ hội của người Việt Nam nói chung đã trải qua nhiều thay đổi. Đầu tiên, đó là sự vắng bóng lễ hội trong một khoảng thời gian dài từ những năm 1960 cho đến trước 1986, tiếp đến là sự phục hồi lễ hội gắn với việc trùng tu, phục hồi các di tích lịch sử văn hóa. Có thể nhìn nhận lễ hội trong mối liên hệ với tín ngưỡng trong bối cảnh xã hội đương đại từ một số khía cạnh chính dưới đây.

3.1. Sự phai nhạt tín ngưỡng và lễ hội thờ Thành hoàng làng

Một trong những biến đổi lớn nhất trong các ngôi làng của người Việt sau năm 1945 là về cơ cấu tổ chức làng xã, từ đó dẫn đến sự thay đổi nhiều mặt của văn hóa làng trong đó có sự thay đổi về vị thế của các vị thần - đối tượng được thờ phụng, tôn vinh chính trong các lễ hội đình làng. Theo đó, các ngôi đình của làng qua các thăng trầm sau khi được khôi phục hoặc trùng tu lại thì đều đã mất đi chức năng là trung tâm hành chính, sinh hoạt tập thể của làng mà trở thành di sản văn hóa của làng. Vì vậy, nếu các vị thần nói chung

và các vị thành hoàng nói riêng trong các ngôi làng xưa là thuộc hệ thống phong thần của các đời vua theo các cấp độ Thượng - Trung - Hạ đẳng thần, tạm hiểu là thay mặt triều đình coi sóc dân làng về mặt tâm linh thì ngày nay vị thế của các vị thần lại được xem xét thông qua *Bảng chứng nhận di tích lịch sử văn hóa* của cơ sở thờ tự vị thần đó theo các cấp (tỉnh, thành phố, quốc gia). Điều đó có nghĩa vị thế của thành hoàng đã được hoán đổi từ vai trò đại diện cho triều đình phong kiến ở cấp hương đảng của chế độ xã hội phong kiến sang vai trò là một di sản văn hóa của xã hội mới. Vì vậy, ngày nay các lễ hội thờ Thành hoàng được phục dựng lại vì mục đích bảo tồn và phát huy di sản văn hóa cổ truyền nhiều hơn là vì mục đích tôn giáo tín ngưỡng. Có thể nhìn nhận điều đó thông qua xem xét sự biến đổi của tín ngưỡng thờ thành hoàng ở các làng quê người Việt hiện nay.

Điều dễ nhận thấy là hiện nay trừ số ít các ngôi đình được truyền tụng là linh thiêng hoặc nổi tiếng về giá trị nghệ thuật thu hút nhiều người quan tâm, còn phần lớn các ngôi đình làng tuy được trùng tu, xây dựng lại với quy mô bề thế trong khuôn viên rộng rãi nhưng thường rất vắng vẻ và chỉ trở nên sôi động vào các dịp lễ, tết, lễ hội. Do vậy, ở nhiều nơi vị thế phúc thần bảo trợ cuộc sống cho dân làng của các vị thành hoàng đã dần phai nhạt, nhường chỗ cho sự lên ngôi của các vị thần khác gần gũi hoặc thiết thực hơn với người dân, chẳng hạn như các vị tổ nghề, hoặc các vị thánh trong tín ngưỡng thờ mẫu Tứ phủ. Cũng như vậy, cùng với sự thế tục hóa các hoạt động tín ngưỡng mà ở nhiều nơi vị thế của các ngôi chùa làng hoặc các ngôi đền thuộc tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ thường nhụt nhিপ và có phần lấn lướt vị thế của các ngôi đình. Thực tế đó dẫn đến sự “giải thiêng” trong các hoạt động lễ hội thờ thành hoàng ở một số nơi, như: giảm bớt các kiêng kỵ trong sắm sửa lễ vật, đơn giản trong chọn người tế lễ, thiếu sự nghiêm túc, kính cẩn trong rước xách, tế lễ, v.v... Theo đó, nhu cầu dự hội làng của người dân ngày nay cũng đa dạng hơn, bên cạnh nhu cầu tín ngưỡng thì không ít người đi dự hội là để giao lưu hoặc đơn giản chỉ là hòì cổ,...

Trong bối cảnh đó, không ít các ngôi đình, đền ngày nay đã có sự bổ sung thêm các nhân vật thờ phụng mới, như Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, hoặc đặt thêm ban thờ các anh hùng liệt sĩ,... Cũng từ đó, việc tế lễ cũng có sự thay đổi. Bên cạnh những ngôi đình vẫn giữ những phép tắc tế tự cổ truyền thì ở nhiều nơi đã có sự giản lược, các bài chúc văn chữ Hán Việt được thay bằng bài chúc văn diễn nôm với những nội dung mới. Chẳng hạn, bản chúc văn của lễ hội làng Châu Khê, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương được viết dưới dạng văn vần, lời lẽ hào sảng rất dễ nhớ, dễ thuộc, dễ đi vào lòng người. Cũng như vậy, nhiều lễ rước của các ngôi đình, bên cạnh rước kiệu thành hoàng còn rước kiệu ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trang phục của các thành phần tham gia lễ rước cũng đa dạng, từ trang phục cổ truyền đến các bộ lễ phục của cựu chiến binh, của đoàn viên thanh niên, của đội viên Đội Thiếu niên tiền phong, v.v... Tương tự, bên cạnh các nghi lễ thờ phụng vị thành hoàng làng thì ở các ngôi đình làng ngày nay còn có thêm những thực hành nghi lễ mới gắn với việc bổ sung các nhân vật mới, chẳng hạn như tổ chức dâng hương vào ngày sinh hoặc ngày mất của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dịp 27 tháng 7,...

Như vậy, tín ngưỡng thờ thành hoàng hiện nay đang có xu hướng mở với sự kết tập thêm các hình thức tín ngưỡng khác được phản ánh khá rõ trong hoạt động lễ hội khiến cho lễ hội của người Việt ngày nay mang đậm tính chất của một bảo tàng sống về di sản văn hóa làng hơn là phản ánh tín ngưỡng thờ thành hoàng như trong truyền thống.

3.2. Sự lên ngôi của tín ngưỡng Tứ phủ

Với tính chất chủ về phúc lộc thọ, đặc biệt là ban tài lộc gắn với các nghi lễ vòng đời người nên từ sau Đổi mới, cùng với sự lên ngôi của kinh tế thị trường mà tín ngưỡng Tứ phủ của người Việt đặc biệt phát triển, thu hút sự quan tâm của nhiều thành phần trong xã hội. Có thể xem xét một số khía cạnh liên quan đến vấn đề lễ hội của tín ngưỡng này như sau:

Trước hết, đó là sự phục hồi hoặc trùng tu mở rộng các di tích tín ngưỡng Tứ phủ nổi tiếng ở các địa phương, như: phủ Dầy, phủ Nấp (Nam Định), phủ Tây Mỗ, đền Sòng (Thanh Hóa), đền Bắc Lệ (Lạng Sơn), phủ Tây Hồ (Hà Nội),... đã kéo theo sự phục hồi các hoạt động lễ hội diễn ra sôi động, thu hút con nhang đệ tử ở khắp các địa phương trong cả nước. Bên cạnh đó là sự phục hồi di tích và lễ hội của các vị thánh nổi tiếng trong điện thần Tứ phủ ở các địa phương trong cả nước như đền thờ Ông Hoàng Mười ở Nghệ An, Hà Tĩnh; đền thờ Ông Hoàng Bảy ở Lào Cai; đền thờ chúa Bát Nàn ở Thái Bình, Hưng Yên; đền thờ Mẫu Thác Bờ ở Hòa Bình; đền Mẫu Thác Bà ở Yên Bái; v.v...

Ngoài ra, còn phải kể đến việc “Tứ phủ hóa điện thờ” tại các ngôi đền thờ các vị thần địa phương cũng là một xu hướng phổ biến từ sau Đổi mới, từ đó dẫn đến việc tái cấu trúc lại các lễ hội liên quan. Khái niệm “Tứ phủ hóa điện thờ” tạm hiểu là việc thiết lập điện thờ Tứ phủ (còn gọi là ban thờ Mẫu) vào trong đền hoặc miếu thờ một vị thần của địa phương. Điển hình là trường hợp Tứ phủ hóa các ngôi đền thờ Quốc Mẫu Tây Thiên ở các làng thuộc Tây Thiên, Tam Đảo, Vĩnh Phúc, cùng với nó là sự tái cấu trúc hệ thống di tích và lễ hội thờ Quốc Mẫu Tây Thiên theo một mô hình mới gắn với các tên gọi như đền Trinh, đền Mẫu Sinh, đền Mẫu Hóa... Theo đó, trước đây lễ hội ở các ngôi đền thờ Quốc Mẫu Tây Thiên được tổ chức theo nghi lễ thờ thành hoàng thì ngày nay lễ hội được tổ chức vào một ngày chung cho cả vùng dưới sự chủ trì của lãnh đạo cấp huyện. Đây có thể coi như là một hiện tượng tiêu biểu cho việc chuyển đổi tục thờ Quốc Mẫu Tây Thiên từ tín ngưỡng thờ thành hoàng của người Sán Dìu sang hình thức tín ngưỡng thờ mẫu Tứ phủ, kéo theo nó là sự quảng bá cho di tích và lễ hội Tây Thiên trong phạm vi cả nước⁶.

Hiện tượng Tứ phủ hóa cũng xuất hiện ở đền thờ Bạch Mã và đền Kim Liên thuộc hệ thống thờ Tứ trấn của Hà Nội, cùng với nó là sự phục hồi hoặc xuất hiện các thực hành nghi lễ liên quan đến tín ngưỡng Tứ phủ trong các lễ hội này. Chẳng hạn, trong lễ hội

đền Kim Liên có sự tham gia của các ông bà đồng với tên gọi là Hội Quần tiên trong trang phục các “ông hoàng”, “bà chúa”, như: Chúa Thượng Ngàn, ông Hoàng Ba, ông Hoàng Mười...⁷.

Đi kèm với sự lên ngôi của tín ngưỡng Tứ phủ còn phải kể đến sự lên ngôi của nghi lễ hầu đồng - một thực hành nghi lễ tiêu biểu của tín ngưỡng Tứ phủ. Đây là một nghi lễ đặc sắc với rất nhiều sự bàn luận về giá trị (như là bảo tàng sống của lịch sử xã hội Việt Nam hoặc về giá trị bảo lưu văn hóa nghệ thuật cổ truyền) cũng như những mặt hạn chế (liên quan đến vấn đề phán truyền, vấn đề đốt vàng mã), v.v...

Sự lên ngôi của tín ngưỡng Tứ phủ còn dẫn đến việc xuất hiện các lễ hội mang tính chuyên biệt, điển hình là lễ hội đền Bà Chúa Kho với các hoạt động “vay trả” diễn ra sôi động vào dịp đầu năm và cuối năm thu hút sự quan tâm của nhiều đối tượng người dân trong xã hội, đặc biệt là giới kinh doanh.

Ngoài ra, sự lên ngôi của tín ngưỡng thờ mẫu Tứ phủ còn thể hiện ở việc kết tập điện thần Tứ phủ vào các ngôi chùa. Đây đó đã có hiện tượng đưa nghi lễ hầu đồng vào ngôi chùa, nhà sư cũng hầu đồng,...

Như vậy, sự trở lại sôi động của tín ngưỡng và thực hành nghi lễ (trong đó có lễ hội) của tín ngưỡng Tứ phủ là sự phản ánh đậm nét đời sống xã hội Việt Nam trong bối cảnh bùng phát của kinh tế thị trường từ sau Đổi mới với tính chất thực dụng cùng nhiều sự bấp bênh, rủi ro của nó.

Hiểu một cách đơn giản thì *tín ngưỡng Tứ phủ là sự thờ phụng các vị thánh trong bốn cõi (Tứ phủ) của bà mẹ tự nhiên Thiên (trời), Thoải (nước), Địa (đất), Nhạc (rừng núi) nhằm đáp ứng nhu cầu phúc lộc thọ trong vòng đời của người Việt Nam*. Vì vậy, chỉ có nhìn nhận, xem xét các nghi lễ và lễ hội của tín ngưỡng này trong mối liên hệ với tôn giáo tín ngưỡng thì mới giải thích được những vấn đề nảy sinh của nó trong xã hội đương đại.

3.3. Sự thể tục hóa các lễ hội gắn với di tích Phật giáo

Phật giáo là một trong những tôn giáo du nhập vào Việt Nam từ lâu đời và có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống người dân. Theo đó, ngoài các ngôi chùa mà làng nào cũng có thì ở Việt Nam còn có nhiều trung tâm Phật giáo lớn, như: Yên Tử, Hương Tích, Tây Thiên,... Về tính chất, chùa là nơi thanh tịnh phù hợp cho sự tu tập của các Phật tử, trong quá khứ vốn là địa chỉ quen thuộc của các phụ nữ trung niên. Ngày nay đối tượng đến chùa đa dạng hơn cả về thành phần cũng như mục đích, bên cạnh nhu cầu tu tập còn có nhu cầu tâm linh và nhu cầu hành hương du lịch,... Xu hướng thể tục hóa ở các ngôi chùa được thể hiện qua các hoạt động dâng sao giải hạn, bán khoán con lên chùa đầu năm liên quan đến mục đích cầu thọ, cầu phúc trong tín ngưỡng Tứ phủ hoặc bổ sung các nghi thức tôn vinh đạo hiệu (thuộc tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên) trong lễ Vu lan, tổ chức các đám cưới tập thể tại chùa gọi là lễ Hằng thuận,... Đây có thể coi là những sinh hoạt nghi lễ và lễ hội thu hút đông đảo các tín chủ tạo nên diện mạo mới cho sinh hoạt nghi lễ ở các ngôi chùa.

Ở một số địa phương còn có sự kết tập các tín ngưỡng bản địa vào hoạt động lễ hội của ngôi chùa. Chẳng hạn, chùa Sơn Dược ở xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên có lễ hội rước kiệu thuộc tín ngưỡng thờ thành hoàng; chùa Hang ở xã An Khang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang có lễ hội đầu năm mang dấu ấn của tín ngưỡng nông nghiệp với tục rước nước từ sông về chùa.

Sự thể tục hóa trong sinh hoạt văn hóa Phật giáo còn thể hiện qua thực hành nghi lễ ở các lễ hội hành hương về các trung tâm Phật giáo: Bái Đính, Yên Tử, Hương Tích, Tây Thiên,... Điều đó trước hết thể hiện ở sự xuất hiện ngày càng nhiều các ban thờ, bệ thờ, thậm chí là các di tích với vô số các hòm công đức liên quan. Ngoài ra, nó còn thể hiện ở tâm thế của người đi chùa với mục đích lễ bái hơn là hành hương để tĩnh tâm vắng cảnh chùa. Từ đó dẫn đến những hiện tượng không đẹp mắt như ăn mặc thiếu nghiêm túc,

chen lán xô đẩy để dâng hương, dâng lễ vật và đặt tiền một cách vô lối, đốt vàng mã, cầu khấn không đúng cách, v.v... gây nhiều dư luận trong xã hội.

3.4. Sự chuyển đổi chức năng lễ hội ở một số địa phương miền núi

Các lễ hội của các tộc người thiểu số ở miền núi sau thời gian gián đoạn cũng được khôi phục lại với những biến đổi cơ bản về chức năng so với trước đây.

Điển hình là lễ hội *lồng tồng* (xuống đồng) của người Tày ở các tỉnh phía Bắc. Nếu trước đây lễ hội được tổ chức trong phạm vi làng, bản với nội dung tế lễ Thổ công với ý nghĩa là lễ hội xuống đồng đầu năm thì ngày nay lễ hội này được tổ chức với quy mô vùng (huyện, tỉnh) với sự tham gia của nhiều tộc người mang ý nghĩa là ngày hội văn hóa của các dân tộc ở địa phương. Điển hình là lễ hội ATK huyện Định Hóa (Thái Nguyên), lễ hội Lồng tồng huyện Ba Bể (Bắc Kạn), lễ hội cầu mùa đình Tân Trào (Tuyên Quang),...

Tương tự, các lễ hội xen mừng của người Thái xưa là do người dân tự nguyện đóng góp tổ chức mang đậm yếu tố tâm linh, nay một số nơi được nhà nước hỗ trợ kinh phí khôi phục lại, chủ yếu đáp ứng nhu cầu giao lưu gặp mặt và trình diễn nghệ thuật. Đặc biệt, một số lễ hội cúng tổ nghề của các thầy cúng Then, Một như “Kin pang Then” hoặc “Xên lầu nó” ở một số địa phương được phục dựng với sự hỗ trợ của nhà nước, từ lễ hội tâm linh chuyển thành hình thức mít tinh văn nghệ, điển hình như việc khôi phục lễ hội “Kin pang then” của người Thái Trắng ở huyện Phong Thổ, Lai Châu⁸.

Bên cạnh đó còn có hiện tượng một số di tích và lễ hội của tộc người thiểu số trở thành điểm du lịch tâm linh và là nơi diễn ra các thực hành nghi lễ và lễ hội gắn với tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ của người Kinh, chẳng hạn như đền thờ Nàng Han của người Thái Trắng ở huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La⁹.

Có thể thấy, tín ngưỡng và lễ hội của người Việt Nam hiện nay là sự phản ánh đậm nét đời sống tinh thần cũng như tâm tư nguyện vọng, nhu cầu của người dân với tất cả sự đa dạng, phức tạp của nó trong bối cảnh chuyển đổi của xã hội Việt Nam đương đại.

4. Một số vấn đề đặt ra đối với việc nghiên cứu tín ngưỡng và lễ hội hiện nay

Từ thực tế mối liên hệ giữa tín ngưỡng và lễ hội cho thấy có không ít vấn đề đặt ra cho việc nghiên cứu lễ hội trong đời sống xã hội đương đại. Dưới đây là một số nhận thức của chúng tôi cho vấn đề này.

Trước hết, *việc nghiên cứu lễ hội cần phải được tiếp cận nghiên cứu một cách hệ thống trong tổng thể tục thờ*. Theo đó, việc nghiên cứu lễ hội cần được đặt trong bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội qua từng giai đoạn lịch sử để xem xét, nhìn nhận những lớp tín ngưỡng ẩn trong các thực hành lễ hội. Chẳng hạn, dù được khoác lên mình lớp vỏ Phật giáo với tên gọi Hán Việt trong các ngôi chùa nhưng thực chất lễ hội của các ngôi chùa Tứ pháp lại có cốt lõi của tục thờ thần tự nhiên như mây (Pháp Vân), mưa (Pháp Vũ), sấm (Pháp Lôi), chớp (Pháp Điện) thuộc tín ngưỡng nông nghiệp cầu mưa thuận gió hòa của người Việt. Cụ thể, ở Thuận Thành, Bắc Ninh xưa, mỗi khi có hạn hán người ta thường rước tượng các bà Pháp Vân, Pháp Lôi, Pháp Vũ ra khỏi các ngôi chùa để đưa đến chùa Ôn Xá (chùa Un) nơi thờ bà Pháp Điện để làm lễ cầu mưa¹⁰. Theo đó, yếu tố tín ngưỡng nông nghiệp trong lễ hội của các ngôi chùa Tứ Pháp là đậm hơn so với yếu tố Phật giáo nên có thể xếp lễ hội chùa Tứ Pháp vào lễ hội nông nghiệp thay vì xếp vào lễ hội tôn giáo (Phật giáo).

Cũng như vậy, nghiên cứu lễ hội trong tổng thể tục thờ là đặt lễ hội trong mối liên hệ với các yếu tố cấu thành nên nó như không gian văn hóa (di tích), nhân vật thờ phụng cùng với truyền thuyết, thần tích, điện thờ và các nghi thức, nghi lễ trong năm và đặc biệt là vai trò của chủ thể - người tổ chức và tham gia lễ hội để qua đó làm rõ được những nét đặc thù của lễ hội ở từng địa phương.

Thứ hai, *nghiên cứu tín ngưỡng và lễ hội trong cái nhìn biến đổi*. Như đã trình bày, tuy ngày nay về cơ bản các lễ hội vẫn tồn tại như mô thức truyền thống nhưng do nhu cầu tín ngưỡng và niềm tin vào các vị thần của con người đã thay đổi nên tính chất và chức năng của lễ hội đã có sự thay đổi. Do vậy, phần lớn các lễ hội ngày nay mang ý nghĩa trình diễn di sản văn hóa nhiều hơn là thực hành nghi lễ tín ngưỡng. Sự hoán đổi ngôi vị của các vị thần hoặc sự bổ sung thêm các nhân vật thờ phụng mới cho thấy sự nỗ lực của người dân trên con đường tìm kiếm các biểu tượng văn hóa tín ngưỡng mới. Mặt khác, sự lên ngôi của tín ngưỡng thờ mẫu Tứ phủ với những mặt trái liên quan tới vấn đề cung và cầu lại cho thấy một bức tranh toàn cảnh về đời sống tinh thần của người Việt Nam trong bối cảnh đời sống kinh tế thị trường với nhiều rủi ro, biến đổi khó lường. Nghiên cứu tín ngưỡng và lễ hội trong sự biến đổi vì thế phải chỉ ra được sự thay đổi về nguồn gốc tín ngưỡng của lễ hội, từ đó mới có thể giải thích được những hệ quả của sự biến đổi. Cụ thể, nếu hiểu được niềm tin của tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ là hướng về “phúc lộc thọ” thì mới giải thích được vì sao có khi chỉ xuất phát từ một lời phán truyền (có khi chỉ là vu vơ) của một ông/bà đồng mà người ta lại sẵn sàng chi hàng vài trăm triệu để tổ chức một lễ lên đồng để giải hạn hoặc chữa bệnh.

Về lâu dài, nghiên cứu sự biến đổi của tín ngưỡng và lễ hội là nhằm đi đến nâng cao hiểu biết của người dân về tín ngưỡng và lễ hội, từ đó góp phần vào việc lành mạnh hóa các thực hành tín ngưỡng nói chung và lễ hội nói riêng trong xã hội đương đại.

Cuối cùng là vấn đề *nghiên cứu tín ngưỡng và lễ hội cần gắn với việc xây dựng nông thôn mới*. Chúng ta biết rằng cùng với sự thay đổi thể chế chính trị từ sau năm 1945 và ngày nay là sự tác động của xu hướng đô thị hóa thì làng và văn hóa làng của người Việt đã có nhiều thay đổi. Sự thay đổi không chỉ ở cảnh quan môi trường, không gian thờ tự mà còn đến từ chính người dân - chủ thể tham gia và thực hành tín ngưỡng và lễ hội. Ngày nay, trong ngôi làng người Việt không còn tồn tại các tổ chức phe, giáp của nam giới

vốn được coi là hạt nhân của làng trong các sinh hoạt làng xã nông nghiệp cổ truyền. Làng của người Việt ngày nay cũng không đơn thuần chỉ có người nông dân mà đa dạng hơn về thành phần, từ công nhân viên chức đến người kinh doanh buôn bán, người nghỉ hưu, cựu chiến binh, giới trí thức, v.v... Bên cạnh đó, lực lượng lao động chính bao gồm cả nam giới và nữ giới lại thường xuyên vắng mặt tại làng do đi làm ăn xa. Từ đó dẫn đến mối quan hệ ứng xử trong làng xã cũng đa dạng, phức tạp hơn, ảnh hưởng không ít đến việc huy động lực lượng tham gia tổ chức lễ hội. Mặt khác, chương trình xây dựng nông thôn mới đã và đang làm thay đổi diện mạo cảnh quan môi trường nông thôn, bên cạnh những thiết chế văn hóa cổ truyền (nhiều cơ sở còn bỏ hoang vì lỗi thời, chẳng hạn như ngôi đình làng) thì lại xuất hiện thêm các thiết chế văn hóa mới nhưng chưa phát huy được tác dụng (chẳng hạn như nhà văn hóa). Điều đó cho thấy một thực tế là dường như việc xây dựng nông thôn mới vẫn còn thiếu sự chuẩn bị kỹ lưỡng cho sự tái cấu trúc hồn cốt bên trong của các thiết chế văn hóa bao gồm cả cũ và mới. Vì vậy, nghiên cứu tín ngưỡng và lễ hội gắn với vấn đề nông thôn mới là góp phần nghiên cứu việc tái cấu trúc tín ngưỡng và lễ hội ở nông thôn Việt Nam trong xã hội đương đại. Trong thực tế, một số địa phương đã bắt đầu có sự liên kết hiệu quả các thiết chế văn hóa cũ và mới trong việc tổ chức lễ hội. Ví dụ, trong lễ hội đền thờ Ông Hoàng Mười ở Hưng Nguyên, Nghệ An ngày nay có tổ chức lễ rước sắc từ nhà thờ họ Nguyễn ở làng Xuân Am về nhập với đoàn rước kiệu Chủ tịch Hồ Chí Minh ở nhà văn hóa xóm rồi mới đi về đền¹¹.

Có thể thấy, tín ngưỡng và lễ hội là một phần quan trọng làm nên diện mạo văn hóa làng trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Việc nghiên cứu tín ngưỡng và lễ hội trong đời sống xã hội đương đại, đặc biệt là trong bối cảnh xây dựng chương trình nông thôn mới hiện nay là việc làm cần thiết đóng góp cơ sở lý luận cho việc tìm hiểu sự biến đổi văn hóa làng của nông thôn người Việt Nam trong xã hội đương đại. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Lê Trung Vũ (chủ biên, 1992), *Lễ hội cổ truyền*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội; Đinh Gia Khánh, Lê Hữu Tầng (chủ biên, 1993), *Lễ hội truyền thống trong xã hội hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 2 Theo PGS.TS Lê Trung Vũ, GS.TS Lê Hồng Lý, PGS.TS Nguyễn Thị Phương Châm (2014), *Lễ hội dân gian*, Giáo trình sau đại học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 47.
- 3 Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 454.
- 4 Nguyễn Thị Thu Sang (2015), *Lễ hội đình làng Châu Khê tỉnh Hải Dương*, Luận văn cao học Văn hóa, Học viện Khoa học xã hội.
- 5 A Tuấn (2015), *Nghi lễ cộng đồng của người Xơ Teng ở huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Văn hóa dân gian, Học viện Khoa học xã hội.
- 6 Nguyễn Thị Yên (2010), “Sự hình thành và biến đổi của tục thờ Mẫu ở Tây Thiên, Vĩnh Phúc”, trong Kỷ yếu hội thảo khoa học: *Quốc Mẫu Tây Thiên Vĩnh Phúc trong Đạo Mẫu Việt Nam*, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Vĩnh Phúc xuất bản, tr. 30-59.
- 7 Nguyễn Doãn Minh (2016), *Tục thờ “Tứ trấn Thăng Long” ở Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Văn hóa dân gian, Học viện Khoa học xã hội.
- 8 Nguyễn Thị Yên (2010), “Nguyên nhân và xu hướng biến đổi trong đời sống văn hóa tinh thần của các dân tộc Tây Bắc”, *Văn hóa dân gian*, số 2, tr. 23 - 33.
- 9 Nguyễn Thị Thanh Thúy (2016), *Tục thờ Nàng Han ở huyện Quỳnh Nai, tỉnh Sơn La*, Luận văn cao học Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.
- 10 Theo Minh Hiếu, “Tục thờ Tứ Pháp và lễ hội cầu mưa”, http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/256/0/2865/Tuc_tho_Tu_Phap_v_a_le_hoi_cau_mua
- 11 Nguyễn Thị Thanh Giang (2014), *Đền thờ Ông Hoàng Mười ở xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An*, Luận văn cao học Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A Tuấn (2015), *Nghi lễ cộng đồng của người Xơ Teng ở huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành văn hóa dân gian, Học viện Khoa học xã hội.
2. Nguyễn Thị Thanh Giang (2014), *Đền thờ Ông Hoàng Mười ở xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An*, Luận văn cao học Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.
3. Nguyễn Thị Ngọc Hà (2016), *Đền Tân La trong đời sống của người dân xã Bảo Khê Thành phố Hưng Yên*, Luận văn cao học Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.

4. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2016), *Di tích và lễ hội chùa Hang ở xã An Khang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang*, Luận văn cao học Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.
5. Minh Hiếu, *Tục thờ Tứ Pháp và lễ hội cầu mưa*, http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/256/0/2865/Tuc_tho_Tu_Phap_v_a_le_hoi_cau_mua
6. Đinh Gia Khánh, Lê Hữu Tăng (chủ biên, 1993), *Lễ hội truyền thống trong xã hội hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Dương Thị Lê (2010), *Lễ hội Lồng tồng của người Tày huyện Định Hóa tỉnh Thái Nguyên (truyền thống và biến đổi)*, Luận văn cao học Văn hóa học, Viện Nghiên cứu Văn hóa.
8. Nguyễn Thị Hồng Nhung (2018), *Quản lý lễ hội cầu mùa đình Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang*, Luận văn cao học Quản lý văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
9. Nguyễn Doãn Minh (2016), *Tục thờ “Tứ trấn Thăng Long” ở Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Văn hóa dân gian, Học viện Khoa học xã hội.
10. Nguyễn Thị Thu Sang (2015), *Lễ hội đình làng Châu Khê tỉnh Hải Dương*, Luận văn cao học Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.
11. Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
12. Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
13. Nguyễn Thanh Tiến (2014), *Di tích và lễ hội chùa Sơn Dược (xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên)*, Luận văn cao học Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.
14. Nguyễn Thị Thanh Thúy (2016), *Tục thờ Nàng Han ở huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La*, Luận văn cao học Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.
15. Ngân Thị Thương (2010), *Lễ hội cầu mùa của người Sán Chay ở xóm Đồng Tâm, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên*, Luận văn cao học Văn hóa học, Viện Nghiên cứu Văn hóa.
16. *Văn hóa dân gian những phương pháp nghiên cứu*, Nhiều tác giả, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
17. Lê Trung Vũ (chủ biên, 1992), *Lễ hội cổ truyền*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. PGS.TS Lê Trung Vũ, GS.TS Lê Hồng Lý, PGS.TS Nguyễn Thị Phương Châm (2014), *Lễ hội dân gian*, Giáo trình sau đại học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Nguyễn Thị Yên (1998), “Tìm hiểu yếu tố tín ngưỡng trong lễ hội của người Tày, Nùng”, *Văn hóa dân gian*, số 1, tr. 3-10.
20. Nguyễn Thị Yên (2003), *Lễ hội Nàng Hai của người Tày Cao Bằng*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

21. Nguyễn Thị Yên (2010), “Nguyên nhân và xu hướng biến đổi trong đời sống văn hóa tinh thần của các dân tộc Tây Bắc”, *Văn hóa dân gian*, số 2, tr. 23 - 33.
22. Nguyễn Thị Yên (2010), “Sự hình thành và biến đổi của tục thờ Mẫu ở Tây Thiên, Vĩnh Phúc”, trong Kỷ yếu hội thảo khoa học: *Quốc Mẫu Tây Thiên Vĩnh Phúc trong Đạo Mẫu Việt Nam*, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Vĩnh Phúc xuất bản, tr. 30-59.
23. Nguyễn Thị Yên (2012), “Bảo tồn và phát huy văn hóa thờ Mẫu của người Việt”, *Văn hóa dân gian*, số 2 (140), tr. 3-12.

Abstract

DISCUSSION ON THE RELATIONSHIP BETWEEN BELIEFS AND FESTIVALS IN CONTEMPORARY SOCIETY

Nguyen Thi Yen

Institute of Cultural Studies, VASS

Traditional festivals are a typical ritual practice in the system of beliefs of the Vietnamese (Kinh people) in particular and the ethnic minority groups in Vietnam in general. Since the Renovation (Đổi mới) in 1986, beside the restoration of ancient culture, religious relics have been restored, embellished, or rebuilt throughout the country. In addition to the restoration, the traditional rituals and festivals have been re-habilitated. Thus, this paper analyses to clarify the relationship between beliefs and festivals. This research will be foundations for the study of traditional festivals in contemporary life.

Keywords: Relationship; beliefs; festival; contemporary; Vietnam.